

Bản án số: 66/2020/DS-PT

Ngày: 16/9/2018.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thủy;

Bà Lê Thị Hiệu.

-Thư ký phiên tòa: Ông Dương Xuân Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2020/DSPT ngày 25/8/2020 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2020/QĐXXPT-DS ngày 27/8/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Hữu T, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Thôn Ngọc T, xã Lộc Tân, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Hữu L - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Số 36 Đại lộ Lê Lợi, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh N, 1974 .

HKTT: Số 56/38 đường T, phố L, phường R, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở: Số 28 V, phố H, phường T, thành phố Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt ông T, ông Long; vắng mặt anh N (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 23/4/2019, đơn sửa đổi bổ sung ngày 04/5/2019 và quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn ông Trịnh Hữu T trình bày:

Do có nhu cầu xin việc cho con trai nên ông T đã nhờ anh Nguyễn Anh N xin việc cho con trai là cháu K. Ông T đã đưa cho anh N 160.000.000đ làm hai lần:

Lần một vào ngày 03/02/2013 đưa 60.000.000đ;

Lần hai vào ngày 15/7/2013 đưa 100.000.000đ.

Mỗi lần nhận tiền, anh N đều viết giấy nhận tiền và ký tên. Tuy nhiên, anh N chỉ xin được cho con trai ông vào làm hợp đồng tại Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Ninh Bình trong thời hạn 12 tháng. Sau khi con ông hết hợp đồng, anh N đã động viên con ông ở lại làm việc tiếp để anh N xin vào biên chế nhưng con ông không làm.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh N phải trả cho ông 100.000.000đ tiền gốc mà ông đã đưa ngày 15/7/2013 tại nhà ngang đường sắt Quán đốc, xã Triệu Lộc, huyện H và tiền lãi từ tháng 7/2013 đến ngày xét xử theo mức lãi 2,5%/tháng = 180.000.000đ.

Ngoài ra buộc anh N phải trả cho ông tiền lãi của số tiền 60.000.000đ đã được TAND thành phố Thanh Hóa xử sơ thẩm theo Bản án số 04/2018/DSST ngày 17/5/2018 và TAND tỉnh Thanh Hóa xử phúc thẩm theo Bản án số 49/2018/DSPT ngày 11/10/2018, nhưng chưa tuyên lãi suất. Mức lãi yêu cầu 2,5%/tháng tính từ tháng 7/2013 đến ngày xét xử.

Bản gốc giấy nhận tiền anh N viết ngày 15/7/2013, số tiền 100.000.000đ, ông đã chuyển đến Công an thành phố Thanh Hóa theo đường bưu điện.

Bản gốc Giấy nhận tiền anh N viết ngày 03/02/2013, số tiền 60.000.000đ ông đã nộp cho Tòa án để giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 25/01/2018 và quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Anh N trình bày:*

Anh thừa nhận ông T có nhờ anh xin việc cho con trai ông vào Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Ninh Bình, sau khi xin việc ông T có cảm ơn 60.000.000đ, anh đã cùng ông T mang 50.000.000đ đi cảm ơn người đã giải quyết cho con ông T, còn lại 10.000.000đ anh đã chi phí đi lại hết.

Ông T gửi đơn tố cáo anh và nhiều lần đến gia đình, địa phương lăng mạ, chửi bới, vu khống và kiện anh tại Tòa án để đòi tiền. Để tránh bị phiền hà nên anh đã hoàn trả cho ông T số tiền 60.000.000đ theo bản án của Tòa án các cấp đã xử.

Đến nay, ông T lại tiếp tục kiện đòi anh số tiền 100.000.000đ là vô lý và không có cơ sở. Anh khẳng định không viết giấy nhận tiền nào cho ông T và cũng không nhận tiền của ông T. Anh không đồng ý việc ông T khởi kiện đòi anh trả số tiền 100.000.000đ theo giấy nhận tiền ngày 15/7/2013 và lãi suất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DSST ngày 15 tháng 7 năm 2020 của TAND thành phố Thanh Hóa đã Quyết định:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 91; Điều 93; Điều 96; khoản 1 Điều 147; điểm b, điểm đ khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hữu T về việc buộc anh Nguyễn Anh N phải trả cho ông số tiền 100.000.000đ gốc đề ngày 15/7/2013 và số tiền lãi từ tháng 7/2013 đến ngày xét xử theo lãi suất 2,5%/tháng là 180.000.000đ.

Giành quyền khởi kiện cho ông T bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

Không xem xét yêu cầu tính lãi của số tiền 60.000.000đ từ tháng 02/2013 đến ngày xét xử vì đã được giải quyết bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Ngày 23/7/2020, ông Trịnh Hữu T có đơn kháng cáo với nội dung:

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn không rút đơn kháng cáo, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Tòa án và các bên đương sự đã tuân thủ thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm (Có văn bản phát biểu kèm theo).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, đơn kháng cáo của ông Trịnh Hữu T nộp tại TAND thành phố Thanh Hóa trong thời hạn luật định nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn anh Nguyễn Anh N đã được triệu tập hợp lệ, có đơn xin xử vắng mặt nên Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định.

[2] Xét nội dung ông Trịnh Hữu T yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Anh N phải trả số tiền gốc 100.000.000đ theo bản pho to Giấy nhận tiền đề ngày 15/7/2013 và tiền lãi 2,5%/tháng kể từ tháng 7/2013 đến khi xét xử. Thấy rằng:

[2.1] Theo lời khai của ông T thì thông qua ông Bùi Văn Thắng, ông T được anh N nhận lời xin việc cho con ông vào làm việc tại Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Ninh Bình, với chi phí 160.000.000đ, ông đã đưa cho anh N hai lần tiền, lần một đưa 60.000.000đ vào ngày 03/02/2013 (đã được Tòa án xử buộc anh N hoàn trả cho ông T); lần hai đưa 100.000.000đ vào ngày 15/7/2013.

Theo ông T trình bày bản gốc giấy nhận tiền 100.000.000đ ông đã gửi qua đường bưu điện cho Công an thành phố Thanh Hóa vào ngày 15/7/2013. Tòa án cấp sơ thẩm đã có Công văn số 254/CV-TA ngày 03/10/2019 gửi Công an thành phố Thanh

Hóa để xác minh. Tại công văn số 2307 ngày 21/10/2019 của Công an thành phố Thanh Hóa trả lời với nội dung:

“Quá trình xác minh đơn tố giác, ông T cung cấp cho Cơ quan điều tra 01 giấy nhận tiền (Bản gốc) ghi ngày 03/02/2013 nội dung anh Nguyễn Anh N nhận của ông Trịnh Hữu T số tiền 60.000.000đ lo xử lý việc cho anh Trường. Ngày 29/8/2017 Cơ quan điều tra đã trả lại giấy trên cho ông T, ngoài ra ông T không cung cấp thêm bất cứ giấy tờ biên nhận tiền nào khác cho Cơ quan điều tra” (BL211).

Ngoài ra, tại Bản kết luận xác minh tin báo, tố giác tội phạm số 276/CSĐT ngày 18/10/2016 của Công an thành phố Thanh Hóa có nội dung:

“Với nội dung đơn tố cáo của ông Trịnh Hữu T tố cáo anh Nguyễn Anh N nhận số tiền 130.000.000đ để lo cho con trai ông là Trường biên chế vào làm tại đài phát thanh truyền hình thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình nhưng quá trình xác minh ông T không cung cấp được các giấy tờ đã đưa số tiền 130.000.000đ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thể hiện việc đưa cho anh N số tiền 130.000.000đ để xin biên chế, chỉ có lời khai của ông T và con trai ông T là K thể hiện việc này. Do đó quá trình xác minh chỉ đủ căn cứ xác định anh Nguyễn Anh N nhận số tiền 60.000.000đ của ông Trịnh Hữu T và đã xin việc được cho con trai ông T vào làm hợp đồng tại Đài PTTH thành phố Tam Điệp.....Căn cứ khoản 2 Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự, Cơ quan CSĐT ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với vụ việc Nguyễn Anh N nhận tiền của ông T để xin việc làm cho con trai ông T xảy ra ngày 03/02/2013 tại thành phố Thanh Hóa. Đề nghị ông T khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa yêu cầu Nguyễn Anh N trả lại số tiền 60.000.000đ cho ông T” (BL210).

Về nghĩa vụ chứng minh, tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định:

“Đương sự yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”.

Về xác định chứng cứ, tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật dân sự quy định: *“Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ gốc phải là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp xác nhận”.*

Quá trình giải quyết, ông T không cung cấp được chứng cứ gốc mà chỉ cung cấp được bản pho to đen trắng Giấy nhận tiền 100.000.000đ đề ngày 15/7/2013 và Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 03/8/2013 (BL32,33), các tài liệu nêu trên không được bị đơn thừa nhận do đó không có giá trị chứng minh.

[2.2] Xem xét các giấy làm chứng của người có tên Đỗ Tất H, sinh năm 1973, địa chỉ tại thôn Đ, xã L, huyện H (làm việc tại Trạm gác chắn đường ngang thuộc Quán Dốc, xã Triệu Lộc, H) do ông T cung cấp cho Tòa án với nội dung: *“ Vào 16h30 phút ngày 15/7/2013 tôi đang làm việc ở trạm gác chắn đường ngang thuộc quán dốc, xã Triệu Lộc, huyện H, Thanh Hóa, anh Nguyễn Anh N xuống xe ô tô vào phòng làm việc của tôi ngồi nhờ viết giấy nhận tiền ngày 15/7/2013 chuyển cho ông T rồi vội chạy vào xe ô tô con chạy về phía Hà Nội. Ông T xem lại giấy viết nhận tiền*

ngày 15/7/2013 chưa đề bác Trịnh Hữu T nên bác T có nhờ tôi viết giấy làm chứng này” (BL46).

Tuy nhiên nội dung xác nhận không nêu cụ thể số tiền, đồng thời không được Chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận chữ ký công dân. Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập nhiều lần nhưng ông Đỗ Tất H không đến Tòa làm chứng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T cũng trình bày ông H chỉ nhìn thấy anh N ngồi viết giấy cho ông T, không nhìn thấy ông T đưa tiền cho anh N, không biết việc giao dịch giữa ông T và anh N (BL300). Sau khi xử sơ thẩm, ngày 23/7/202 ông T lại xuất trình Giấy làm chứng mang tên Đỗ Tất H thể hiện ngày 15/7/2013, ông Đỗ Tất H có nhìn thấy ông T đưa cho ông N 100.000.000đ và ông N viết giấy nhận tiền cho ông T là có sự mâu thuẫn. Mặt khác giấy xác nhận không có ngày, tháng, năm viết, không có xác nhận chữ ký công dân của Chính quyền nơi cư trú nên không có cơ sở chấp nhận (BL316).

[2.3] Xem xét bản gốc Vận đơn do ông T xuất trình thể hiện: Ngày 24/10/2015 tại Buu cục H, ông Trịnh Hữu T có gửi đến Thủ trưởng cơ quan điều tra Công an thành phố Thanh Hóa bản gốc giấy nhận tiền do anh Nguyễn Anh N viết ngày 03/02/2013 và ngày 15/7/2013 để giải quyết truy tố. Tuy nhiên toàn bộ nội dung gửi là do ông T viết, về phía Buu điện chỉ làm dịch vụ vận chuyển, tính trọng lượng, cước phí mà không xác nhận văn bản do ông T đến gửi là bản gốc hay bản photo (BL315). Mặt khác, tại Công văn số 2307 ngày 21/10/2019 của Công an thành phố Thanh Hóa đã trả lời, trong quá trình giải quyết tin báo tố giác, ông T chỉ giao nộp bản gốc Giấy nhận tiền ngày 03/02/2013 anh Nguyễn Anh N nhận của ông số tiền 60.000.000đ, ngoài ra không cung cấp gì thêm.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa đủ cơ sở buộc anh N phải trả cho ông T số tiền gốc 100.000.000đ theo bản photo Giấy nhận tiền ngày 15/7/2013 cũng như không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất là đúng.

Để đảm bảo quyền lợi cho ông T, Tòa án cấp sơ thẩm đã giành quyền cho ông T được tiếp tục khởi kiện trong vụ án khác nếu có đủ căn cứ chứng minh.

[3] Về nội dung ông T yêu cầu Tòa án buộc anh N phải trả lãi của số tiền 60.000.000đ theo giấy nhận tiền ngày 03/2/2013 (do các bản án đã xử chưa tuyên lãi suất), thấy rằng:

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 17/5/2018 của TAND thành phố Thanh Hóa và tại Bản án phúc thẩm số 49/2018/DSPT ngày 11/10/2018 của TAND tỉnh Thanh Hóa đã xử buộc anh N phải hoàn trả cho ông T số tiền 60.000.000đ theo Giấy nhận tiền anh N đã viết, ký với ông T ngày 03/02/20. Các bản án đều nhận định việc anh N nhận tiền để xin việc cho con ông T là giao dịch trái pháp luật, do đó chỉ buộc anh N hoàn trả tiền gốc và đều bác yêu cầu của ông T đòi tính lãi (BL118-124).

Sau khi xử phúc thẩm, ông T có đơn khiếu nại và đã được TAND cấp cao tại Hà Nội có Thông báo trả lời đơn số 43/TB-TANDCC-DS ngày 27/12/2019 không kháng nghị (BL20). Do đó Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết nội dung ông T yêu cầu tính lãi của số tiền 60.000.000đ do đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật là đúng (khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự).

[3] Từ các phân tích nêu trên, việc ông T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông T là đối tượng được miễn án phí nên không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 91; khoản 1 Điều 95; Điều 96 Bộ luật dân sự: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2020/DSST ngày 15/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trịnh Hữu T về việc yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Anh N phải trả cho ông số tiền gốc 100.000.000đ theo bản pho to Giấy nhận tiền ngày 15/7/2013 và tiền lãi 2,5%/tháng kể từ tháng 7/2013 đến ngày xét xử là 180.000.000đ.

Giành quyền cho ông T được khởi kiện anh Nguyễn Anh N bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Hữu T đòi tính lãi của số tiền 60.000.000đ từ tháng 02/2013 đến ngày xét xử do đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án: Miễn án phí phúc thẩm dân sự cho ông Trịnh Hữu T.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND TP. Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh

